

THỰC TRẠNG MỘT SỐ KỸ NĂNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2023

Nguyễn Thị Kim Ngân*, Nguyễn Tấn Đạt, Phan Kim Tuyền,
Hồ Hoàng Diễm Như, Thị Kim Thu, H Xê Bat Niê

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: 1953040044@student.ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/3/2025

Ngày phản biện: 14/4/2025

Ngày duyệt đăng: 25/4/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Kỹ năng học tập đóng vai trò quan trọng trong thành công học tập của sinh viên đại học, tuy nhiên nhiều sinh viên không ưu tiên hoặc áp dụng hiệu quả các chiến lược học tập thiết yếu này. Đối với sinh viên y khoa, kỹ năng học tập càng trở nên thiết yếu do khối lượng kiến thức lớn và liên tục cập nhật trong quá trình đào tạo. Việc phát triển kỹ năng học tập là nền tảng giúp sinh viên y khoa nâng cao thành tích học tập và nâng cao năng lực chuyên môn trong tương lai. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1) Mô tả thực trạng một số kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022- 2023. 2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022-2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 1068 sinh viên chính quy từ khóa 44 đến khóa 48 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2023. Đánh giá kỹ năng học tập sinh viên thông qua bộ câu hỏi khảo sát dựa trên: UHCL Counseling Services với 64 câu hỏi chia đều cho 8 phần kỹ năng. Các yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập: Giới tính, thành tích học tập, yếu tố bên ngoài trường học, cộng đồng, xã hội, chính phủ. **Kết quả:** Có 59,3% sinh viên đạt kỹ năng học tập. Sinh viên có kỹ năng quản lý thời gian và sự trì hoãn ở mức tốt chiếm cao nhất 11,0%, sinh viên có kỹ năng đọc và lựa chọn ý chính ở mức trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất 60,6%, sinh viên có kỹ năng viết mức kém chiếm cao nhất chiếm 51,4%. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính, cộng đồng, xã hội, chính phủ và kỹ năng học tập. **Kết luận:** Để nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên, trường đại học nên xây dựng các chương trình đào tạo có cấu trúc và biện pháp can thiệp để hỗ trợ sinh viên có được các chiến lược học tập hiệu quả.

Từ khóa: Kỹ năng học tập, chiến lược học tập, thành tích học tập, sinh viên y khoa.

ABSTRACT

THE CURRENT STATUS OF CERTAIN STUDY SKILLS AMONG STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2023

Nguyen Thi Kim Ngan*, Nguyen Tan Dat, Phan Kim Tuyen,
Ho Hoang Diem Nhu, Thi Kim Thu, H Xe Bat Nie

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Academic skills play an important role in the academic success of university students, however, many students do not prioritize or effectively apply these essential strategies. For medical students, academic skills become even more essential due to the large and constantly updated volume of knowledge throughout the training process. Developing academic skills serves as a foundation for medical students to improve their academic performance and enhance their professional competence in the future. **Objectives:** 1) To describe the status of study skills among students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2022- 2023. 2) To examine some factors related to the study skills of students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2022-2023. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study with analytical components was conducted on 1068 regular students

from cohorts 44 to 48 at Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2023. Student learning skills were assessed using a survey questionnaire based on UHCL Counseling Services, consisting of 64 questions equally divided into 8 skill areas. Factors related to learning skills included gender, academic performance, external influences beyond the university, community, society, and government. **Results:** 59.3% of students achieved adequate academic skills. Among them, the highest proportion with good time management and procrastination control skills was 11.0%. The highest percentage of students with average-level skills was in reading and identifying main ideas, at 60.6%. Meanwhile, the highest percentage of students with poor skills was in writing, at 51.4%. There was a statistically significant relationship between academic skills and factors such as gender, community, society and government. **Conclusion:** To enhance students' learning outcomes, the university should develop structured training programs and interventions to support students in acquiring effective learning strategies.

Keywords: Study skills, learning strategies, academic performance, medical students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỹ năng học tập (KNHT) là tập hợp các chiến thuật và chiến lược giúp tiếp thu, tổ chức, ghi nhớ và áp dụng thông tin mới [1], bao gồm các phương pháp làm việc và tư duy hiệu quả trong học tập [2].

KNHT có vai trò quan trọng trong thành công của sinh viên đại học, nhưng nhiều sinh viên chưa ưu tiên hoặc áp dụng hiệu quả các chiến lược này [3],[4]. KNHT tốt giúp giảm thất bại và tận dụng cơ hội học tập [5]. Trong bối cảnh kiến thức ngày càng mở rộng và thay đổi nhanh, đặc biệt với sinh viên ngành y, nơi lượng kiến thức lớn và luôn cập nhật [6]. Việc phát triển KNHT càng trở nên cấp thiết. Hiện nay, sinh viên Đại học Y Dược còn hạn chế về KNHT, ít đầu tư vào tự học và chưa chủ động rèn luyện kỹ năng [7]. Điều này đặc biệt quan trọng với sinh viên ngành y, vốn cần nghiên cứu và thực hành nhiều hơn các ngành khác [7]. Từ thực tế đó, nghiên cứu “Thực trạng một số kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2023” được thực hiện với 2 mục tiêu: 1) Mô tả thực trạng một số kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022 - 2023. 2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022 - 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên chính quy Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2023.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên chính quy từ khóa 44 đến khóa 48 tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2023.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không trả lời qua Google Forms sau 3 lần gửi email hoặc không hoàn thành đầy đủ các nội dung của phiếu thu thập thông tin.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Sử dụng công thức ước lượng một tỷ lệ

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \frac{p \times (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó: N là cỡ mẫu nghiên cứu cần có

α : Mức ý nghĩa có thống kê, với $\alpha = 0,05$, $Z_{1-\frac{\alpha}{2}} = 1,96$ với mức tin cậy là 95%

d : Sai số tuyệt đối 0,03

p: tỷ lệ sinh viên có kỹ năng học tập là 50% ($p=0,5$) vì trước đây chưa có nghiên cứu nào thực hiện vấn đề này nên chọn $p=0,5$ để đạt cỡ mẫu lớn nhất. Như vậy cỡ mẫu tối thiểu cần thu thập là 1068.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, thu thập dữ liệu bằng Google Forms được gửi đến email của sinh viên các lớp Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Răng Hàm Mặt, Dược, Kỹ thuật hình ảnh, Hộ sinh, Xét nghiệm và Y tế công cộng từ khóa 44 đến khóa 48 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Dựa vào danh sách lớp hiện có để gửi email mời tham gia khảo sát. Sau mỗi lần thu thập dữ liệu, nhóm nghiên cứu tiến hành làm sạch số liệu và đối chiếu danh sách lớp để xác định những sinh viên chưa tham gia, sau đó tiếp tục gửi email trong lần 2 và lần 3. Sau lần gửi thứ ba, nếu sinh viên vẫn không phản hồi khảo sát, sẽ được xem như không tham gia và bị loại khỏi danh sách mẫu nghiên cứu. Tổng cộng có 1.069 sinh viên phản hồi, sau khi loại bỏ các mẫu không hợp lệ, có 1.068 sinh viên được đưa vào phân tích.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Giới tính, thành tích học tập.

+ Đánh giá kỹ năng học tập sinh viên: Bộ câu hỏi khảo sát dựa trên: UHCL Counseling Services www.uhcl.edu/counselingservices với 64 câu hỏi chia đều cho 8 phần kỹ năng. Bao gồm: kỹ năng quản lý thời gian và sự trì hoãn, sự tập trung và ghi nhớ, sự hỗ trợ học tập và ghi chép, những chiến lược kiểm tra và kiểm tra sự lo lắng, tổ chức và xử lý thông tin, động lực và thái độ, việc đọc và lựa chọn ý chính, cách viết. Mỗi câu hỏi được đánh giá theo thang đo Likert bốn điểm bắt đầu từ: 1 = Không bao giờ; 2 = thỉnh thoảng; 3 = Thường xuyên; 4 = Luôn luôn. Tổng điểm tối đa của mỗi phần kỹ năng là 32, được phân loại thành 3 nhóm: kỹ năng đạt loại tốt > 28 , kỹ năng đạt loại trung bình 21-28, kỹ năng đạt loại kém ≤ 20 [8]. Kết quả đánh giá kỹ năng học tập chung được tính bằng tổng điểm của 64 câu hỏi, tương ứng với 8 phần kỹ năng: Đạt ≥ 168 ; Chưa đạt < 168

+ Các yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập: Giới tính, thành tích học tập, yếu tố bên ngoài trường học, cộng đồng, xã hội, chính phủ.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Gửi phiếu thu thập thông tin bằng hình thức online trong Google Form và gửi đến email sinh viên qua 3 lần như mô tả trên.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** sử dụng phần mềm thống kê SPSS 22.0. + Áp dụng các phương pháp thống kê mô tả tần số và tỷ lệ về thực trạng một số kỹ năng học tập của sinh viên.

+ Thống kê phân tích mối liên quan dựa vào Odds ratio (OR), khoảng tin cậy 95% của OR và phép kiểm định chi bình phương với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê $p < 0,5$.

- **Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** Được thực hiện từ năm 2022- 2023 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu đã được thông qua theo quyết định số 22.135.SV/PCT-HĐĐĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung

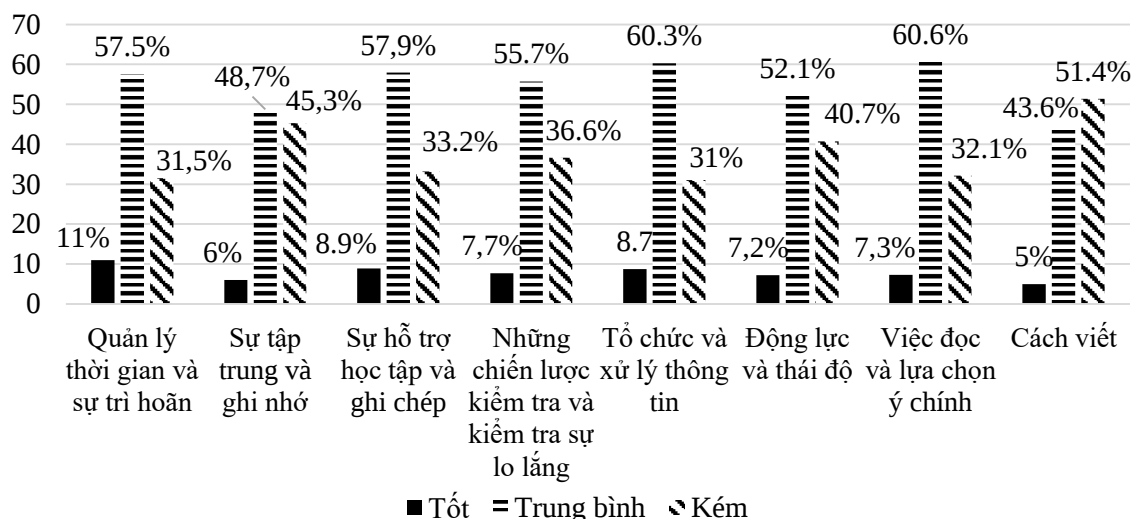
Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	477	44,7
	Nữ	591	55,3

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Thành tích học tập	Xuất sắc	93	8,7
	Giỏi	278	26,0
	Khá	554	51,9
	Trung bình	104	9,7
	Yếu	39	3,7

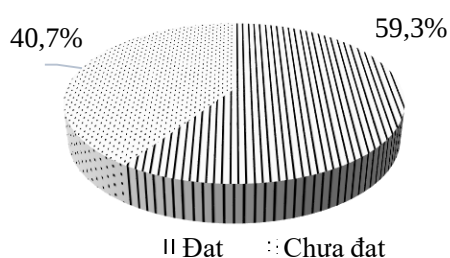
Nhận xét: Nghiên cứu được tiến hành trên 1068 sinh viên. Trong đó, nữ chiếm 55,3% và nam chiếm 44,7%. Về thành tích học tập sinh viên loại khá chiếm cao nhất 51,9%.

3.2 Thực trạng kỹ năng học tập sinh viên



Biểu đồ 1. Đánh giá thực trạng kỹ năng học tập sinh viên

Nhận xét: Sinh viên có kỹ năng quản lý thời gian và sự trì hoãn ở mức tốt chiếm cao nhất 11,0%, có kỹ năng đọc và lựa chọn ý chính ở mức trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất 60,6%, có kỹ năng viết mức kém chiếm cao nhất chiếm 51,4%.



Biểu đồ 2. Tổng hợp kỹ năng học tập sinh viên

Nhận xét: Có 59,3% sinh viên đạt kỹ năng học tập.

3.3. Các yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập của sinh viên

Bảng 2. Liên quan giữa đặc điểm chung và kỹ năng học tập

Đặc điểm chung		Kỹ năng học tập				OR (KTC 95%)	p
		Đạt		Chưa đạt			
		n	%	n	%		
Giới tính	Nam	307	64,4	170	35,6	1,468 (1,137-1,1896)	0,002
	Nữ	326	55,2	265	44,8		-

Đặc điểm chung		Kỹ năng học tập				OR (KTC 95%)	p
		Đạt		Chưa đạt			
		n	%	n	%		
Thành tích học tập	Xuất sắc	60	64,5	33	35,5	1,405 (0,607 – 3,214)	0,381
	Giỏi	173	62,2	105	37,8	1,273 (0,604 – 2,639)	0,484
	Khá	329	59,4	225	40,6	1,13 (0,549 – 2,283)	0,715
	TB	49	47,1	55	52,9	0,688 (0,306 – 1,538)	0,322
	Yếu	22	56,4	17	37,9	1	-

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và kỹ năng học tập ($p < 0,05$).

Bảng 3. Liên quan giữa cộng đồng, xã hội, chính phủ và kỹ năng học tập

		Kỹ năng học tập				OR (KTC 95%)	p
		Đạt		Chưa đạt			
		n	%	n	%		
Liên quan đến sức khỏe và y tế cộng đồng	Có	605	60,0	403	40,0	1,716 (0,984- 3,006)	0,0408
	Không	28	46,7	32	53,3	1	-
Trung tâm tư vấn, học tập, chương trình hỗ trợ	Có	605	60,6	393	39,4	2,309 (1,371- 3,934)	0,0007
	Không	28	40	42	60	1	-
Nhận nguồn cung cấp học bổng	Có	399	62,3	241	37,7	1,372 (1,062- 1,77)	0,012
	Không	234	54,7	194	45,3	1	-

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa cộng đồng, xã hội, chính phủ và kỹ năng học tập ($p < 0,005$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Thông tin chung

Nghiên cứu được khảo sát trên 1068 sinh viên. Kết quả nghiên cứu ghi nhận phần lớn đối tượng tham gia nghiên cứu là nữ giới, chiếm 55,3%, Điều này phản ánh xu hướng phổ biến trong tuyển sinh các ngành thuộc khối khoa học sức khỏe, nữ giới thường chiếm ưu thế về số lượng. Nghiên cứu Vo Van Viet (2022) cũng ghi nhận có 63,0% nữ giới tham gia nghiên cứu [1]. Về thành tích học tập sinh viên loại khá chiếm đa số 51,9%, cho thấy phần lớn sinh viên có năng lực học tập tương đối tốt. Tương tự nghiên cứu của Ngô Thị Dung (2022) cũng ghi nhận sinh viên đạt loại khá chiếm cao nhất 66%[9].

4.2. Thực trạng kỹ năng học tập sinh viên

Phần lớn các kỹ năng sinh viên đạt ở mức trung bình. Sinh viên có kỹ năng quản lý thời gian và sự trì hoãn ở mức tốt chiếm 11,0%, sự tập trung và ghi nhớ mức tốt chiếm thấp nhất 6%, Những chiến lược kiểm tra và kiểm tra sự lo lắng ở mức tốt chiếm 7,7%, Tổ chức và xử lý thông tin ở mức tốt chiếm 8,7%, Động lực và thái độ mức tốt chiếm 7,2%, Việc đọc và lựa chọn ý chính mức tốt chiếm 7,3%, Cách viết mức tốt chiếm 5%. Điều này cho thấy sinh viên có xu hướng làm chủ thời gian ở mức tương đối nhưng có thiếu hụt khả năng thể hiện tư duy thông qua kỹ năng viết một công cụ học thuật cơ bản nhưng thường ít được chú trọng rèn luyện trong đào tạo đại học. So với nghiên cứu Diadarloo kỹ năng quản lý thời gian và sự trì hoãn ở mức trung bình là 51,9% tương đương với nghiên cứu của chúng tôi, điều này cho thấy đây là kỹ năng tương đối quen thuộc đối với sinh viên. Sự khác biệt này có thể do phương pháp đo lường, nơi có các chương trình hỗ trợ học tập và môi trường

học thuật mang tính hệ thống hơn, sinh viên có nhiều cơ hội để rèn luyện kỹ năng học tập từ sớm [5]. So với nghiên cứu của Fereidouni kỹ năng hỗ trợ học tập và ghi chép ở mức tốt là 18% và mức trung bình là 54%, kỹ năng đọc và lựa chọn ý chính ở mức trung bình 65,3%. Qua đó cho thấy trong các môi trường giáo dục có chú trọng phát triển kỹ năng cơ bản, nền tảng, sinh viên thường có khả năng xử lý và tổ chức thông tin tốt hơn [10].

Kết quả khảo sát cho thấy có 59,3% sinh viên đạt kỹ năng học tập, và có 40,7% chưa đạt. Tỷ lệ này phản ánh thực trạng đáng lưu ý trong đào tạo đại học ngành khoa học sức khỏe, quá trình học tập của sinh viên chủ yếu mang tính đối phó, thiếu định hướng và chưa chú trọng đúng mức đến việc rèn luyện kỹ năng học tập. So với nghiên cứu của Didarloo và Khalkhali (2014) tại Đại học Khoa học Y tế Urmia (Iran), có sự khác biệt chỉ có 1,2% sinh viên có kỹ năng học tập yếu, 86,8% ở mức trung bình và 12% đạt mức tốt [5]. Sự khác biệt này có thể do công cụ đánh giá khác nhau, nghiên cứu tại Iran sử dụng bảng câu hỏi SSAQ-CCHU gồm 48 câu hỏi với thang điểm phân loại rõ ràng. Tương tự, nghiên cứu của Fereidouni Moghadam & Cheraghian (2009) tại Trường Cao đẳng Y tế Abadan (Iran) cũng cho thấy phần lớn sinh viên có kỹ năng học tập ở mức trung bình (80,7%), chỉ 8% đạt mức tốt [10]. Công cụ đo lường trong nghiên cứu này là bảng câu hỏi PSSHI với tổng điểm 90, chia thành 3 mức đánh giá. Dù có sự khác biệt về công cụ và cách phân loại, các nghiên cứu đều phản ánh điểm chung là phần lớn sinh viên chưa đạt mức tối ưu về kỹ năng học tập, cho thấy sự cần thiết của việc thiết kế các chương trình hỗ trợ và phát triển kỹ năng học tập ngay từ giai đoạn đầu của quá trình đào tạo đại học.

4.3. Các yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập

Nghiên cứu đã tìm ra các yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập sinh viên: giới tính, cộng đồng xã hội và chính phủ với $p < 0,05$. Nghiên cứu nhận thấy rằng nam giới có kỹ năng học tập cao hơn nữ giới 1,468 lần (KTC 95%: 1,137 – 1,1896 với $p=0,002$), điều này khá tương đồng với nghiên cứu của Gledhill và Van der Merwe (1989) cho rằng sinh viên nam sở hữu kỹ năng tư duy và phân tích tốt hơn sinh viên nữ. Tuy nhiên, một số tài liệu chỉ ra rằng sinh viên nữ thể hiện kỹ năng học tập ấn tượng so với sinh viên nam chỉ vì họ ghi chép cẩn thận, chú ý có khả năng nhớ lại thông tin thu được từ bài giảng, dành nhiều thời gian hơn cho bài tập và nhiệm vụ, nghiêm túc trong việc quản lý thời gian hiệu quả, đặt mục tiêu và lập kế hoạch [7]. Do đó, sự khác biệt này không mang tính tuyệt đối mà còn chịu ảnh hưởng từ phong cách học tập cá nhân, định kiến xã hội về vai trò giới hoặc thậm chí sự kỳ vọng khác nhau từ gia đình và môi trường học.

Sinh viên có tham gia các hoạt động liên quan đến sức khỏe cộng đồng đạt kỹ năng học tập cao hơn so với nhóm không tham gia là 1,716 lần (KTC 95%: 0,984 – 3,006). Điều này cho thấy việc tham gia các hoạt động cộng đồng giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm, tư duy phản biện và trách nhiệm xã hội, những yếu tố góp phần nâng cao hiệu quả học tập. Ngoài ra, sinh viên có sử dụng các trung tâm tư vấn và chương trình hỗ trợ có tỷ lệ đạt kỹ năng học tập cao hơn nhóm không sử dụng là 2,30 lần (KTC 95%: 1,371 – 3,934). Các trung tâm này đóng vai trò như người đồng hành trong học tập, cung cấp các kỹ năng như lập kế hoạch học tập, tổ chức thời gian, chiến lược ôn tập và viết học thuật [11]. Kết quả này cho thấy nhà trường cần đầu tư mạnh mẽ hơn vào các hình thức hỗ trợ học tập ngoài giờ chính khóa để nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện. Mặt khác, sinh viên có hỗ trợ tài chính đạt kỹ năng học tập cao hơn nhóm không được hỗ trợ là 1,372 (KTC 95%: 1,062 – 1,77), $p = 0,012$. Việc nhận học bổng hoặc trợ cấp tài chính có thể giảm áp lực kinh tế, giúp sinh viên

toàn tâm toàn ý cho việc học. Đồng thời, sự ghi nhận và hỗ trợ từ bên ngoài sẽ thúc đẩy động lực học tập nội tại, khiến sinh viên học chủ động hơn và có mục tiêu rõ ràng hơn [12].

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khảo sát trên 1068 sinh viên chính quy từ khóa 44 đến khóa 48 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2023. Kết quả nghiên cứu ghi nhận có 59,3% sinh viên đạt kỹ năng học tập. Sinh viên có kỹ năng quản lý thời gian và sự trì hoãn ở mức tốt chiếm cao nhất 11,0%, sinh viên có kỹ năng đọc và lựa chọn ý chính ở mức trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất 60,6%, sinh viên có kỹ năng viết mức kém chiếm cao nhất chiếm 51,4%. Các yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập bao gồm giới tính, nhà trường, cộng đồng, xã hội, chính phủ. Trường đại học nên xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo có cấu trúc về kỹ năng học tập và tăng cường tư vấn để giúp sinh viên có chiến lược học phù hợp với khả năng. Tích hợp các khóa học về kỹ năng để giúp sinh viên nâng cao khả năng học tập và thiết kế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viet Van Vo, Chanh Trung Huynh and Binh Thanh Nguyen. An in-depth Analysis of Undergraduates' Study Skills: A Study at Nong Lam University. *Vietnam Journal of Education*. 2022. 6(1), 69-79, <https://doi.org/10.52296/vje.2022.135>.
 2. Phan Trọng Ngọc. Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường. Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm. 2005. 498.
 3. Godwin Kwame Aboagye, Kwaku Darko Amponsah and Eugene Adjei Johnson. Analysis of Study Skills Employed by Ghanaian High School Science Students. *Cypriot Journal of Educational Sciences*. 2020.15(4), 634-650, doi:10.18844/cjes.v%vi%i.5047.
 4. Alci Bulent, Karatas Hakan and Balyer Aydin. Analysis of Study Skills Employed by Ghanaian High School Science Students. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*. 2015.197, 1355-1362, <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2015.07.389>.
 5. Alireza Didarloo và Hamid Reza Khalkhali. Assessing study skills among a sample of university students: an Iranian survey. *Journal of educational evaluation for health professions*.2014.11, <https://doi.org/10.3352/jeehp.2014.11.8>.
 6. Huỳnh Thị Minh Hằng. Khảo sát và đánh giá kỹ năng học tập môn Hóa hữu cơ của sinh viên ở Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học*. 2019. 42, 159-169, [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.42.862\(2013\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.42.862(2013)).
 7. Nguyễn Thị Ngọc Hà, Nguyễn Thị Thu Thái, Trần Anh Vũ, Trần Bảo Ngọc. Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên trường Đại học Y- Dược Thái Nguyên năm 2018. *Tạp chí y học Việt Nam*. 2018. 473(1&2), 196-200.
 8. UHCL Counseling Services. Study Skills Assessment Questionnaire. 2021. <https://www.uhcl.edu/cmhc/resources/documents/handouts/study-skills-assessment-questionnaire.pdf>.
 9. Ngô Thị Dung, Nguyễn Hồng Thiệp, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Nguyễn Thị Kim Thơ, Nguyễn Thị Sang Sang. Hoạt động tự học của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y dược Cần Thơ năm học 2020 – 2021. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2022. 53, 168-175, <https://doi.org/10.58490/ctump.2022i53.169>.
 10. Fereidouni Moghadam, Cheraghian. Study habits and their relationship with academic performance among students of Abadan school of nursing. *Strides in Development of Medical Education*. 2009.6(1), 21-28.
 11. Lev Semyonovich Vygotsky. Mind in society: The development of higher psychological processes. Harvard University Press. 1978.
 12. Edward L. Deci, Richard M. Ryan. The “what” and “why” of goal pursuits: Human needs and the self-determination of behavior. *Psychological Inquiry*. 2000.11(4), 227-268, https://doi.org/10.1207/S15327965PLI1104_01.
-